

Số: 845 /KH-GDDT

Quận 2, ngày 28 tháng 10 năm 2020

KẾ HOẠCH

Tổ chức tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo quận 2, đợt 2 - năm 2020.

Căn cứ Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức số 52/2019/QH14 ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức và Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Bộ Nội vụ về sửa, bổ sung một số quy định về dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 06/2015/TT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập;

Căn cứ Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2015/TT-BGDĐT-BNV ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 21/2015/TT-BGDĐT-BNV ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 22/2015/TT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 02/2015/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 19 tháng 5 năm 2015 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Nội vụ Quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện;

Căn cứ Thông tư số 14/2014/TT- BNV ngày 31 tháng 10 năm 2014 của Bộ Nội vụ Quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành văn thư;

Căn cứ Thông tư số 08/2019/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương nhân viên thiết bị, thí nghiệm trong các trường trung học và trường chuyên biệt công lập;

Căn cứ Thông tư số 45/2017/TT-BTTTT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông về quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Công nghệ thông tin;

Căn cứ Thông tư số 02/2018/TT-BNV ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Bộ Nội vụ về quy định mã số, chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Công nghệ thông tin;

Căn cứ Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Quận 2 về phân bổ số lượng người làm việc, số lượng hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP tại các đơn vị sự nghiệp năm 2020;

Xét Kế hoạch tuyển dụng viên chức năm 2020 của các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở và Trường Giáo dục chuyên biệt Thảo Điền,

Phòng Giáo dục và Đào tạo xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo quận 2, đợt 2 - năm 2020, như sau:

I. Nhu cầu

Số viên chức dự kiến cần tuyển: 85 vị trí. Trong đó: 75 giáo viên và 10 nhân viên (Bảng phụ lục đính kèm).

- Bậc Mầm non cần tuyển: 22 vị trí, trong đó: 21 giáo viên và 01 nhân viên
- Bậc Tiểu học cần tuyển 29 vị trí là giáo viên
- Bậc Trung học cơ sở cần tuyển: 30 vị trí, trong đó: 21 giáo viên và 09 nhân viên
- Trường Giáo dục chuyên biệt Thảo điền cần tuyển 04 vị trí là giáo viên

II. Nguyên tắc

1. Việc tuyển dụng viên chức được thực hiện theo Luật Viên chức năm 2010, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019; Luật Giáo dục năm 2019; Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và Thông tư số 03/2019/TT-BNV;

2. Việc tuyển dụng viên chức phải căn cứ vào nhu cầu công việc, vị trí việc làm gắn với tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, số lượng người làm việc đã được duyệt và quỹ tiền lương của đơn vị sự nghiệp công lập;

3. Việc tổ chức tuyển dụng phải đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan và đúng pháp luật; đảm bảo tính cạnh tranh;

4. Những người được tuyển chọn phải đảm bảo đúng tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ gắn với chức danh nghề nghiệp, hạng chức danh nghề nghiệp cần tuyển;

5. Người đăng ký dự tuyển phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của những giấy tờ, bằng cấp trong hồ sơ dự tuyển.

Trường hợp người trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ tuyển dụng theo quy định hoặc có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc bị phát hiện sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức ra quyết định hủy kết quả trúng tuyển.

Trường hợp người đăng ký dự tuyển có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị và không tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển trong một kỳ tuyển dụng tiếp theo.

6. Người đăng ký dự tuyển chỉ được đăng ký dự tuyển vào 01 vị trí việc làm tại một đơn vị, trong một kỳ tuyển dụng nếu đăng ký dự tuyển cùng một vị trí việc làm tại hai đơn vị khác nhau trong Quận sẽ bị xóa tên trong danh sách dự tuyển hoặc hủy kết quả xét tuyển. Lệ phí đăng ký dự tuyển không hoàn trả lại;

7. Không thực hiện việc bảo lưu kết quả cho kỳ tuyển dụng lần sau;

8. Không tiếp nhận các giấy tờ xác nhận chế độ ưu tiên sau khi đã công bố kết quả tuyển dụng.

III. Điều kiện dự tuyển

1. Điều kiện chung:

1.1. Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển viên chức:

a) Có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam.

b) Từ đủ 18 tuổi trở lên và trong độ tuổi lao động theo quy định của Bộ Luật Lao động hiện hành;

c) Có Phiếu đăng ký dự tuyển;

d) Có lý lịch rõ ràng;

d) Có văn bằng, kết quả học tập, chứng chỉ đào tạo phù hợp theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển, được cơ quan có thẩm quyền chứng thực. Trường hợp có văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng dịch thuật sang tiếng Việt và được Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận;

e) Đủ sức khỏe để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ;

g) Đáp ứng các điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí việc làm nhưng không trái pháp luật.

1.2. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển viên chức: Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng.

2. Điều kiện cụ thể:

Người đăng ký dự tuyển vào viên chức phải đạt tiêu chuẩn, điều kiện của vị trí việc làm theo quy định hiện hành tương ứng với tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển, cụ thể:

2.1. Vị trí Giáo viên Mầm non

a) Có bằng tốt nghiệp Cao đẳng sư phạm mầm non trở lên;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 trở lên theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (sau đây viết tắt là Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT);

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin (sau đây viết tắt là Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT).

2.2. Vị trí Giáo viên Tiểu học

a) Có bằng tốt nghiệp Cử nhân sư phạm tiểu học hoặc Cử nhân sư phạm các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy trở lên;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 trở lên theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT; đối với Giáo viên giảng dạy môn tiếng Anh thì trình độ ngoại

ngữ thứ hai (khác tiếng Anh) phải đạt bậc 1 trở lên theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT.

2.3. Vị trí Giáo viên Trung học cơ sở

a) Có bằng tốt nghiệp Cử nhân sư phạm trở lên hoặc Cử nhân các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên trung học cơ sở;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 trở lên theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT; đối với Giáo viên giảng dạy môn tiếng Anh thì trình độ ngoại ngữ thứ hai (khác tiếng Anh) phải đạt bậc 1 trở lên theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT.

2.4. Vị trí Giáo viên Tổng phụ trách Đội

a) Có bằng tốt nghiệp từ Cử nhân sư phạm trở lên và có giấy chứng nhận bồi dưỡng khóa Tổng phụ trách đội;

b) Có trình độ ngoại ngữ từ bậc 1 trở lên theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT (theo vị trí dự tuyển);

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT.

2.5. Vị trí Thiết bị - Thí nghiệm

a) Có bằng tốt nghiệp cao đẳng chuyên ngành Công nghệ thiết bị trường học (hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng các chuyên ngành khác phù hợp với vị trí việc làm thiết bị, thí nghiệm ở trường trung học) trở lên;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT.

2.6. Vị trí Văn thư

a) Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành văn thư lưu trữ, nếu tốt nghiệp chuyên ngành khác thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng bổ sung kiến thức nghiệp vụ văn thư;

b) Có chứng chỉ ngoại ngữ: theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT

Trình độ bậc 1 (hoặc tương đương) khi dự thi ngạch văn thư trung cấp; trình độ bậc 2 (hoặc tương đương) khi dự thi ngạch văn thư.

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT.

2.7. Vị trí Thư viện

- Tốt nghiệp trung cấp trở lên về chuyên ngành thư viện hoặc chuyên ngành khác có liên quan. Nếu tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thư viện do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp;

- Có chứng chỉ ngoại ngữ: theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT

Trình độ bậc 1 (hoặc tương đương) khi dự thi ngạch Thư viện viên hạng IV; trình độ bậc 2 (hoặc tương đương) khi dự thi ngạch Thư viện viên hạng III trở lên.

- Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT.

- Có chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ thư viện viên hạng II (chỉ có đối với ứng viên thi vào chức danh “Thư viện viên hạng II - mã số V.10.02.05”; không có sẽ không bổ nhiệm chức danh thư viện viên hạng II).

2.8. Vị trí Công nghệ thông tin (V.11.05.11)

- Có bằng tốt nghiệp đại học các ngành đúng hoặc các ngành gần đào tạo về công nghệ thông tin trở lên;

- Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 (A2) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT

- Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh An toàn thông tin hạng III.

3. Yêu cầu về trình độ ngoại ngữ và tin học:

Lưu ý: Người dự tuyển xem nội dung cụ thể tại *phụ lục 2* đính kèm theo kế hoạch này về quy đổi trình độ ngoại ngữ, tin học và danh sách các đơn vị được cho phép cấp chứng chỉ.

4. Đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng viên chức:

a) Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: được cộng 7.5 điểm vào kết quả điểm tại vòng 2.

b) Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp phục viên, người làm công tác cơ yếu chuyển ngành, học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách

như thương binh, con của thương binh loại B, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: được cộng 5.0 điểm vào kết quả điểm tại vòng 2.

c) Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong: được cộng 2.5 điểm vào kết quả điểm tại vòng 2.

IV. Hình thức, nội dung tuyển dụng:

1. Hình thức tuyển dụng:

Việc tuyển dụng viên chức được thực hiện thông qua hình thức xét tuyển.

2. Nội dung xét tuyển: việc xét tuyển viên chức được tiến hành theo 2 vòng

2.1. Vòng 1:

Kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển đăng ký tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm, nếu phù hợp thì người dự tuyển được tham dự vòng 2 theo quy định.

2.2. Vòng 2:

a) Phòng vấn hoặc thực hành để kiểm tra về năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người dự tuyển.

Người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức quyết định hình thức phỏng vấn hoặc thực hành tại vòng 2 này phù hợp với tính chất hoạt động nghề nghiệp và yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

b) Điểm phỏng vấn hoặc thực hành được tính theo thang điểm 100.

c) Thời gian phỏng vấn 30 phút, thời gian thực hành do người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức quyết định.

d) Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả phỏng vấn hoặc thực hành.

3. Xác định người trúng tuyển:

Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức phải có đủ các điều kiện sau:

a) Có kết quả điểm tại vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên;

b) Có số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên theo quy định (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí việc làm.

- Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả xét tuyển bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần tuyển dụng thì người có điểm sát hạch (phỏng vấn hoặc điểm thực hành) cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức quyết định người trúng tuyển.

- Trường hợp người dự xét tuyển viên chức thuộc nhiều diện ưu tiên thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả tại vòng 2.

c) Không thực hiện việc bảo lưu kết quả cho các kỳ thi tuyển, xét tuyển lần sau.

V. Hội đồng tuyển dụng viên chức và các ban giúp việc

1. Hội đồng tuyển dụng viên chức: Hội đồng tuyển dụng viên chức được thành lập và làm việc theo Điều 8 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ.

2. Ban Kiểm tra phiếu đăng ký dự tuyển: do Hội đồng tuyển dụng thành lập, thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ.

3. Ban Kiểm tra sát hạch: do Hội đồng tuyển dụng thành lập, thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ.

VI. Hồ sơ dự xét tuyển

Người dự tuyển nộp **01 bộ hồ sơ**, cụ thể:

Bộ hồ sơ: người dự tuyển **nộp hồ sơ trong thời gian tiếp nhận hồ sơ dự tuyển**, được sắp xếp theo thứ tự, thành phần gồm:

a) Phiếu đăng ký dự tuyển: 02 bản (mẫu Phiếu ban hành theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ, đính kèm tại *Phụ lục 01 của Kế hoạch*).

b) Bản Sơ yếu lý lịch tự thuật (*theo mẫu đính kèm*) có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã - phường, thị trấn nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trong thời hạn 06 tháng, tính đến ngày nộp hồ sơ: 01 bản.

c) Bản sao (nếu không công chứng phải có bản chính để đối chiếu) của Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân; các văn bằng chuyên môn, bảng điểm kết quả học tập toàn khóa, chứng chỉ tin học, chứng chỉ ngoại ngữ: 01 bản.

Trường hợp có văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng dịch thuật sang tiếng Việt và được Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận tính pháp lý của văn bằng.

d) Giấy chứng nhận sức khỏe có kết luận đủ sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp theo quy định tại Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Bộ Y tế hướng dẫn khám sức khỏe.

e) Giấy chứng nhận thuộc đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng viên chức (nếu có) được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chứng thực.

g) Chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp tương ứng (đối với đăng ký dự tuyển vị trí giáo viên: mầm non hạng III, tiểu học hạng III và trung học cơ sở hạng II). Các danh hiệu thi đua theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển (chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi, ...

VII. Quy trình, thời gian, địa điểm

1. Thông báo và tiếp nhận ứng viên đăng ký dự tuyển:

Từ ngày 06/11/2020 đến ngày 07/12/2020: thông báo công khai nhu cầu xét tuyển viên chức trên phương tiện thông tin đại chúng, Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân quận 2 (<http://www.quan2.hochiminhcity.gov.vn>) hoặc trang web của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận 2 (<http://www.pgdquan2.hcm.edu.vn>). Người dự tuyển theo dõi và thực hiện tuân tự:

a) Ứng viên truy cập vào website <http://pgdquan2.hcm.edu.vn> mục **Tuyển sinh - Tuyển dụng** → **Tuyển dụng**, nhập thông tin đăng ký dự tuyển từ ngày 06/11/2020 đến ngày 06/12/2020. Lưu ý: Mỗi ứng viên (tương ứng với 1 số chứng minh nhân dân) chỉ đăng ký 1 lần; nếu ứng viên đăng ký 2 lần trở lên (có cùng 1 số chứng minh nhân dân và giống tên) thì thông tin nhập lần 1 sẽ bị hủy.

b) **Tiếp nhận hồ sơ dự tuyển** trong giờ hành chính:

- Thời gian: **Từ ngày 06/11/2020 đến 07/12/2020**, tiếp nhận hồ sơ theo 5 đợt
 - + Đợt 1: ngày 11/11/2020.
 - + Đợt 2: ngày 18/11/2020.
 - + Đợt 3: ngày 25/11/2020.
 - + Đợt 4: ngày 02/12/2020.
 - + Đợt 5: ngày 07/12/2020.

- Địa điểm: Trường Tiểu học Lương Thế Vinh, số 215 đường Trương Văn Bang, phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2.

2. Xét tuyển viên chức:

a) **Vòng 1**

- Từ ngày 14/12/2020 đến ngày 15/12/2020: Kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển.

- Ngày 18/12/2020: Công bố danh sách và thông báo triệu tập người có đủ điều kiện dự xét tuyển vòng 2.

- Nơi đăng thông báo: niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân quận 2, đăng trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân quận 2, Phòng Giáo dục và Đào tạo quận 2.

b) **Vòng 2**

Kiểm tra sát hạch (phòng vấn hoặc thực hành) đối với người dự tuyển đủ điều kiện tiêu chuẩn (theo Danh sách triệu tập thí sinh đã công bố).

- Thời gian (dự kiến): từ ngày 29/12/2020.

- Địa điểm (dự kiến): Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Định, quận 2; số 36A đường Nguyễn Trọng Quản, khu phố 2, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2 (số cũ là: 02 đường số 7, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2).

3. Thông báo kết quả xét tuyển viên chức

- Thời gian (dự kiến): ngày 31/12/2020.

- Nơi đăng thông báo: niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân quận 2, đăng trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân quận 2, Phòng Giáo dục và Đào tạo quận 2.

4. Nhận thông báo trúng tuyển

- Thời gian: Từ ngày 05/01/2021 đến ngày 06/01/2021.

- Địa điểm: Nhận thông báo trúng tuyển tại Ủy ban nhân dân quận 2.

Trên đây là kế hoạch tổ chức tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo quận 2, đợt 2 - năm 2020./. *af*

Nơi nhận:

- Sở GD-ĐT (để b/c);
- UBND quận (để b/c);
- Phòng Nội vụ quận (để phối hợp);
- Web UBND quận;
- Web Phòng GD&ĐT quận;
- Lưu: VT, TC.



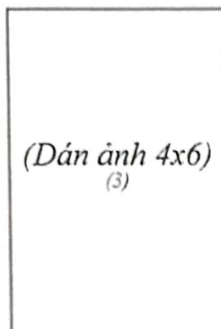
TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Phúc Huy Tùng

Phụ lục 1
MẪU PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN
(Kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm



PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

Vị trí dự tuyển⁽¹⁾:.....

Đơn vị dự tuyển⁽²⁾:

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

Họ và tên:.....	
Ngày, tháng, năm sinh:.....	Nam ☐ Nữ ☐
Dân tộc:..... Tôn giáo:.....	
Số CMND hoặc Thẻ căn cước công dân:.....	Ngày cấp: Nơi cấp:.....
Số điện thoại di động để báo tin:..... Email:.....	
Quê quán:.....	
Hộ khẩu thường trú:.....	
Chỗ ở hiện nay (để báo tin):.....	
Tình trạng sức khỏe:....., Chiều cao:....., Cân nặng:..... kg	
Thành phần bản thân hiện nay:.....	
Trình độ văn hóa:.....	
Trình độ chuyên môn:	

II. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ GIA ĐÌNH

Mối quan hệ	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán, nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, đơn vị công tác, học tập, nơi ở (trong, ngoài nước); thành viên các tổ chức chính trị - xã hội

III. THÔNG TIN ĐÀO TẠO

Ngày, tháng, năm cấp văn bằng, chứng chỉ	Tên trường, cơ sở đào tạo cấp	Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Số hiệu của văn bằng, chứng chỉ	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bằng điểm)	Ngành đào tạo	Hình thức đào tạo	Xếp loại bằng, chứng chỉ

IV. THÔNG TIN VỀ QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC (nếu có)

Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác

V. MIỄN THI NGOẠI NGỮ, TIN HỌC

(Thí sinh thuộc diện miễn thi ngoại ngữ, tin học cần ghi rõ lý do miễn thi ở mục này)

Miễn thi ngoại ngữ do:

Miễn thi tin học do:

V. ĐĂNG KÝ DỰ THI MÔN NGOẠI NGỮ

(Thí sinh lựa chọn và ghi rõ đăng ký thi một trong năm thứ tiếng: Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc, Đức hoặc ngoại ngữ khác theo yêu cầu của vị trí việc làm tại Thông báo tuyển dụng. Thí sinh được miễn thi môn ngoại ngữ không phải điền thông tin ở mục này).
Đăng ký dự thi ngoại ngữ:

V. ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN (nếu có)

.....

.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên của tôi là đúng sự thật. Sau khi nhận được thông báo trúng tuyển tôi sẽ hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Nếu sai sự thật thì kết quả tuyển dụng của tôi sẽ bị cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng hủy bỏ, tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật và cam kết không đăng ký tham gia kỳ tuyển dụng kế tiếp tại cơ quan tuyển dụng./.

NGƯỜI VIẾT PHIẾU

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Ghi đúng vị trí việc làm đăng ký dự tuyển;
- (2) Ghi đúng tên cơ quan, tổ chức, đơn vị có chỉ tiêu tuyển dụng;
- (3) Người viết phiếu tích dấu X vào ô tương ứng ô Nam, Nữ.

Phụ lục 2

LƯU Ý VỀ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ VÀ TIN HỌC

(theo kế hoạch số: /KH-GDDT ngày tháng năm 2020 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 2 được trích dẫn từ kế hoạch số 1968/TB-GDDT-TC ngày 29/6/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố)

1. Đối với trình độ Ngoại ngữ

1.1. Đối với các chứng chỉ Tiếng Anh

Căn cứ Quyết định số 177/QĐ-TCCB ngày 30 tháng 01 năm 1993 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình tiếng Anh thực hành A,B,C và Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT ngày 02 tháng 12 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định chương trình Giáo dục thường xuyên về tiếng Anh thực hành;

Căn cứ theo quy định của Cambridge từ tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ công văn số 6089/BGDĐT-GDĐT ngày 27 tháng 10 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về phúc đáp Công văn số 4453/BNV-CCVC; Công văn số 3755/BGDĐT-GDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học;

Căn cứ Công văn số 3619/GDDT-TiH ngày 04 tháng 10 năm 2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo về chuẩn năng lực các cấp độ của bài thi PTE Young Learners và PTE General,

Việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ thực hiện như sau:

Khung NLNN 6 bậc VN (TT 01/2014/T T-BGDĐT	Bản tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ tương đương (Tiếng Anh)									
	CC Tiếng Anh theo QĐ 177	CC Tiếng Anh theo QĐ 66; Khung tham chiếu Châu Âu (CEFR)	IELTS	Cambridge English	BEC	BULA TS	TOEFL			PTE General
							PBT/ ITP	CBT	iBT	
Bậc 1	Trình độ A	A1					<360			246
Bậc 2	Trình độ B	A2	4	KET		20	360- 449		30	381
Bậc 3	Trình độ C	B1	4.5 – 5	PET	Business Preliminary	40	450- 499	133	31-45	450
Bậc 4		B2	5.5 – 6.5	FCE	Business Vantage	60	500- 589	173	46-93	600
Bậc 5		C1	7 - 7.5	CAE	Business Higher	75	590- 649	213	94- 109	850
Bậc 6		C2	8 - 9	CPE		90	650+	250+	110+	910

Khung NLNN 6 bậc VN (TT 01/2014/T T-BGDĐT)	Bản tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ tương đương (Tiếng Anh)		
	TOEIC 4 kỹ năng		
	Listening & Reading	Speaking	Writing
Bậc 1	120 – 220	50	30
Bậc 2	225 – 445	70 – 90	50 – 70

Bậc 3	450 – 595	100 – 130	90 – 120
Bậc 4	600 – 845	140 – 160	130 – 150
Bậc 5	850 – 940	170 – 180	160 – 180
Bậc 6	945 – 990	190	190

Riêng các Chứng chỉ tiếng Anh theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, căn cứ Thông báo số 691/TB-QLCL ngày 08 tháng 5 năm 2020 của Cục Quản lý chất lượng thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo danh sách các đơn vị đủ điều kiện tổ chức thi và cấp chứng chỉ, theo đó chỉ công nhận Chứng chỉ được cấp từ 14 đơn vị sau:

STT	TÊN ĐƠN VỊ
1	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội
2	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng
3	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế
4	Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
5	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
6	Trường Đại học Hà Nội
7	Trường Đại học Thái Nguyên
8	Trường Đại học Cần Thơ
9	Trường Đại học Vinh
10	Học viện An ninh nhân dân
11	Trường Đại học Sài Gòn
12	Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh
13	Trường Đại học Trà Vinh
14	Trường Đại học Văn Lang

Chứng chỉ ngoại ngữ theo chương trình giáo dục thường xuyên tại Quyết định số 30/2008/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (*chứng chỉ ngoại ngữ A, B, C*) phải được cấp trước ngày **15/01/2020**

1.2. Đối với các chứng chỉ ngoại ngữ khác

Căn cứ bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ ngoại ngữ tương đương cấp độ B1, B2 khung Châu Âu kèm theo Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo như sau:

Khung NLNN 6 bậc	Bản tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ tương đương (Ngoại ngữ khác)					
	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Đức	Tiếng Trung	Tiếng Nhật	Tiếng Hàn
Bậc 1	TEU	DELFA1	A1	HSK cấp 1	JLPT N1	Topik I-L1
Bậc 2	TBU	DELFA2	A2	HSK cấp 2	JLPT N2	Topik I-L2
Bậc 3	TRKI I	DELFB1	B1 ZD	HSK cấp 3	JLPT N3	Topik II-L3
Bậc 4	TRKI II	DELFB2	B2 test DaF level 4	HSK cấp 4	JLPT N4	Topik II-L4
Bậc 5	TRKI III	DALF C1		HSK cấp 5	JLPT N5	Topik II-L5
Bậc 6	TRKI IV	DALF C2		HSK cấp 6	JLPT N6	Topik II-L6

2. Đối với chứng chỉ Tin học:

- Căn cứ công văn số 2819/BTTTT-CNTT ngày 31 tháng 8 năm 2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công nhận bài thi tin học văn phòng quốc tế phù hợp yêu cầu của Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT công nhận *"bài thi sử dụng máy tính và internet cơ bản IC3 công nhận đáp ứng yêu cầu của chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản (06 modul)"*.

- Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21 tháng 7 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin quy định: *"các chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C đã cấp có giá trị sử dụng tương đương với chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản"*;

- Căn cứ công văn số 6078/BGDĐT-GDĐT ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường quản lý trong việc tổ chức thi, cấp chứng chỉ ứng dụng CNTT theo Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT quy định: *"Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ dừng việc cấp phối chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C từ ngày 15 tháng 12 năm 2016"*. Vậy chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C được cấp sau ngày 15 tháng 12 năm 2016 thì không được công nhận.

- Căn cứ Quyết định số 111/QĐ-BTTTT ngày 21 tháng 01 năm 2020 (có hiệu lực 03 năm) của Bộ Thông tin và Truyền thông công nhận chứng chỉ CNTT của tổ chức nước ngoài sử dụng ở Việt Nam đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản quy định: *"Công nhận chứng chỉ ICDL Profile Certificate của tổ chức ECDL/ICDL Foundation (gồm 05 mô-đun Computer Essentials, Online Essentials, Word Processing, Spreadsheets, Presentation) đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014"*.

- Căn cứ Thông báo số 691/TB-QLCL ngày 08/5/2020 chỉ công nhận chứng chỉ Ứng dụng CNTT được cấp từ đơn vị sau:

A- Các cơ sở giáo dục đại học

STT	Tên đơn vị
1	Trường Đại học Bách Khoa - Đại học Đà Nẵng
2	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng
3	Trung tâm phát triển phần mềm - Đại học Đà Nẵng
4	Trường Đại học Khoa học - Đại học Huế
5	Trường Đại học Nông lâm - Đại học Huế
6	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế
7	Viện Quốc tế Pháp ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội
8	Trường Đại học Công nghệ - Đại học Quốc gia Hà Nội
9	Trường Đại học An Giang - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

10	Trường Đại học Khoa học tự nhiên - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
11	Trường Đại học Công nghệ Thông tin - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
12	Trường Đại học Bách khoa - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
13	Trường Đại học Công nghệ thông tin và truyền thông - Đại học Thái Nguyên
14	Trung tâm Ngoại ngữ Tin học - Đại học Thái Nguyên
15	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Đại học Thái Nguyên
16	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên
17	Học viện An ninh nhân dân
18	Học viện Cảnh sát Nhân dân
19	Học viện Công nghệ bưu chính viễn thông
20	Học viện Công nghệ bưu chính viễn thông (Cơ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh)
21	Học viện Hàng không
22	Học viện Kỹ thuật quân sự
23	Học viện Ngân hàng
24	Học viện Nông nghiệp Việt Nam
25	Học viện Quản lý giáo dục
26	Học viện Tài chính
27	Trường Đại học An ninh nhân dân
28	Trường Đại học Bạc Liêu
29	Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội
30	Trường Đại học Bình Dương
31	Trường Đại học Buôn Ma Thuột
32	Trường Đại học Cảnh sát nhân dân
33	Trường Đại học Cần Thơ
34	Trường Đại học Công đoàn
35	Trường Đại học Công nghệ giao thông vận tải
36	Trường Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh

37	Trường Đại học Công nghệ Vạn Xuân
38	Trường Đại học Công nghệ và Quản lý Hữu nghị
39	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội
40	Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh
41	Trường Đại học Công nghiệp thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh
42	Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì
43	Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh
44	Trường Đại học Cửu Long
45	Trường Đại học Duy Tân
46	Trường Đại học Đại Nam
47	Trường Đại học Đà Lạt
48	Trường Đại học Điện Lực
49	Trường Đại học Đồng Nai
50	Trường Đại học Đồng Tháp
51	Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh
52	Trường Đại học Hà Tĩnh
53	Trường Đại học Hạ Long
54	Trường Đại học Hàng Hải Việt Nam
55	Trường Đại học Hải Dương
56	Trường Đại học Hải Phòng
57	Trường Đại học Hoa Lư
58	Trường Đại học Hòa Bình
59	Trường Đại học Hồng Đức
60	Trường Đại học Hùng Vương
61	Trường Đại học Khánh Hòa
62	Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội
63	Trường Đại học Kiên Giang

64	Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội
65	Trường Đại học Kinh tế công nghiệp Long An
66	Trường Đại học Kinh tế quốc dân
67	Trường Đại học Kinh tế kỹ thuật công nghiệp
68	Trường Đại học Kinh tế tài chính Thành phố Hồ Chí Minh
69	Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh
70	Trường Đại học Kỹ thuật công nghệ Cần Thơ
71	Trường Đại học Kỹ thuật hậu cần Công an nhân dân
72	Trường Đại học Lạc Hồng
73	Trường Đại học Lao động - Xã hội (Cơ sở 2)
74	Trường Đại học Lâm nghiệp
75	Trường Đại học Lâm nghiệp (Phân hiệu Đồng Nai)
76	Trường Đại học Luật Hà Nội
77	Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh
78	Trường Đại học Mở Hà Nội
79	Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh
80	Trường Đại học Nam cần Thơ
81	Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh
82	Trường Đại học Nguyễn Trãi
83	Trường Đại học Nha Trang
84	Trường Đại học Nội vụ Hà Nội
85	Trường Đại học Nông lâm Bắc Giang
86	Trường Đại học Nông lâm Thành phố Hồ Chí Minh
87	Trường Đại học Phạm Văn Đồng
88	Trường Đại học Phan Thiết
89	Trường Đại học Phú Yên
90	Trường Đại học Quang Trung

91	Trường Đại học Quảng Bình
92	Trường Đại học Quảng Nam
93	Trường Đại học Quy Nhơn
94	Trường Đại học Sài Gòn
95	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
96	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2
97	Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Hưng Yên
98	Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Nam Định
99	Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
100	Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh
101	Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vinh
102	Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vĩnh Long
103	Trường Đại học Tài chính - Kế toán
104	Đại học Tài chính - Marketing
105	Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh
106	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội
107	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh
108	Trường Đại học Tân Trào
109	Trường Đại học Thành Đông
110	Trường Đại học Thủ đô Hà Nội
111	Trường Đại học Thủy Lợi
112	Trường Đại học Tây Bắc
113	Trường Đại học Tây Đô
114	Trường Đại học Tây Nguyên
115	Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh
116	Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng
117	Trường Đại học Thái Bình

118	Trường Đại học Thái Bình Dương
119	Trường Đại học Thông tin liên lạc
120	Trường Đại học Thủ Dầu Một
121	Trường Đại học Thương Mại
122	Trường Đại học Tiền Giang
123	Trường Đại học Tôn Đức Thắng
124	Trường Đại học Trà Vinh
125	Trường Đại học Trưng Vương
126	Trường Đại học Văn Hiến
127	Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa
128	Trường Đại học Việt Bắc
129	Trường Đại học Vinh
130	Trường Đại học Xây dựng Miền Tây
131	Trường Đại học Xây dựng Miền Trung
132	Trường Đại học Y tế công cộng
133	Trường Đại học Y dược Thái Bình
134	Cục Tin học hóa - Bộ Thông tin truyền thông

B - Các sở giáo dục và đào tạo có trung tâm sát hạch

(Danh sách trung tâm sát hạch do sở giáo dục và đào tạo công bố)

STT	Tên đơn vị	Số trung tâm sát hạch
1	Sở Giáo dục và Đào tạo An Giang	2
2	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Giang	1
3	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Ninh	1
4	Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Định	3
5	Sở Giáo dục và Đào tạo Cà Mau	1
6	Sở Giáo dục và Đào tạo Cần Thơ	1
7	Sở Giáo dục và Đào tạo Đà Nẵng	3
8	Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Nông	2

9	Sở Giáo dục và Đào tạo Điện Biên	1
10	Sở Giáo dục và Đào tạo Gia Lai	1
11	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Giang	1
12	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	4
13	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Tĩnh	2
14	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương	2
15	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng	1
16	Sở Giáo dục và Đào tạo Hậu Giang	1
17	Sở Giáo dục và Đào tạo Hưng Yên	1
18	Sở Giáo dục và Đào tạo Kiên Giang	1
19	Sở Giáo dục và Đào tạo Kon Tum	1
20	Sở Giáo dục và Đào tạo Lai Châu	1
21	Sở Giáo dục và Đào tạo Lào Cai	1
22	Sở Giáo dục và Đào tạo Lâm Đồng	2
23	Sở Giáo dục và Đào tạo Long An	1
24	Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình	1
25	Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Thuận	1
26	Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An	2
27	Sở Giáo dục và Đào tạo Phú Thọ	2
28	Sở Giáo dục và Đào tạo Phú Yên	1
29	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Bình	3
30	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Nam	2
31	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi	1
32	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Trị	4
33	Sở Giáo dục và Đào tạo Sóc Trăng	1
34	Sở Giáo dục và Đào tạo Sơn La	1
35	Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Bình	1

36	Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Nguyên	1
37	Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa	2
38	Sở Giáo dục và Đào tạo Thừa Thiên Huế	7
39	Sở Giáo dục và Đào tạo Tiền Giang	1
40	Sở Giáo dục và Đào tạo Trà Vinh	1
41	Sở Giáo dục và Đào tạo Vĩnh Long	1
42	Sở Giáo dục và Đào tạo Vĩnh Phúc	2
43	Sở Giáo dục và Đào tạo Yên Bái	1